

Bản án số: **58** /2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/3/2022.

V/v Tranh chấp “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Trần Thanh Tùng**.

+ Ông **Trần Văn Nhu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiên** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 552/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

ĐKHKT: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Phần trình bày của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Chị với anh Nguyễn Hữu T cưới nhau năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang ngày 08/6/2015. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra sung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị có ba con chung tên: Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 25/11/1997 và Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 11/03/1999 và Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 05/3/2008. Hai người con tên Tiến và Tới đã thành niên và hoạt động bình thường. Đối với con chung tên Tuyền khi ly hôn chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung; nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Phần trình bày của bị đơn:

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị T; Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Nguyễn Hữu T, anh T có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đối với anh Nguyễn Hữu T dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị T; Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện của chị T. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T cưới nhau năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè năm 2015. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Theo chị T khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra xung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do anh T không chăm lo gia đình vợ con. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét thấy chị T với anh T cưới nhau năm 1997 và có đăng ký kết hôn năm 2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến năm 2020 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cương quyết ly hôn, còn

anh T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T, xem như anh T từ bỏ việc bảo vệ quyền lợi cho anh. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có 3 con chung tên Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 25/11/1997 và Nguyễn Hữu T2, sinh ngày 11/03/1999 nay đã thành niên và hoạt động bình thường. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

- Đối với con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 05/3/2008. Khi ly hôn chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Còn anh T không có ý kiến gì về con chung. Mặt khác tại bản tự khai ngày 23/12/2021 Nguyễn Thị Bích T có ý kiến là nếu cha mẹ ly hôn thì xin sống với cha tên Nguyễn Hữu T. Nhận thấy bản tự khai của Nguyễn Thị Bích T gửi cho Tòa án là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được ghi nhận. Mặt khác theo chị T khai, hiện nay chị bận đi làm, con chị tên Tuyền ở nhà với anh T được nuôi dưỡng tốt, được đi học và phát triển bình thường. Do đó Hội đồng xét xử giao con chung chưa thành niên của anh chị tên Nguyễn Thị Bích T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp qui định pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa hôm nay chị T có ý kiến là không cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị làm có tiền sẽ phụ chăm lo cho con chị. Còn anh T không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của chị T là chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về việc cấp dưỡng thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh T không có ý kiến gì. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên của anh chị tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 05/3/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001090, ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Thân được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG